

Bản án số: 99/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 10/11/2021

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Tiến Khâm

Bà: Cao Thị Thu Nga

- Thư ký phiên tòa: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:
ông Tô Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST - HNGĐ ngày 28/6/2021 về việc “yêu cầu xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/10/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Đ T T N – sinh năm 1986

Trú tại: thôn R, xã H H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* anh N T T – sinh năm 1984

Trú tại: thôn R, xã H H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2021 và trong bản tự khai 20/8/2021 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đ T T N trình bày:

- Về hôn nhân: chị kết hôn với anh N T T tại UBND xã H H ngày 22/6/2009 trên cơ sở tự nguyện, bước đầu hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống và tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh N T T.

- Về con chung: hai vợ chồng có 02 con là cháu N H D sinh ngày 23/4/2010 và cháu N H T sinh ngày 14/01/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con và tùy theo nguyện vọng của các con.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa và biên bản lấy lời khai, bị đơn anh N T T trình bày:

:- Về hôn nhân: anh kết hôn với chị Đ T T N là tự nguyện có đăng ký kết hôn nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị Đ T T N làm đơn ly hôn thì anh nhất trí ly hôn.

- Về con chung: hai vợ chồng có 02 con là cháu N H D sinh ngày 23/4/2010 và cháu N H T sinh ngày 14/01/2014. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con và yêu cầu chị N cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: có 01 chiếc xe máy yêu cầu chia đôi.

Hiện tại anh T không có thu nhập, hưởng trợ cấp xã hội.

Tòa án đã thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết nhưng qua nhiều lần hòa giải không đạt hiệu quả.

Về tình cảm vợ chồng thuận tình ly hôn, về con chung không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu đối với Thẩm phán và Thư ký quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: xử chị Đ T T N ly hôn anh N T T; áp dụng các Điều: 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N H D cho anh Thành nuôi dưỡng và giao cháu N H T cho chị N nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đ T T N kết hôn với anh N T T có đăng ký kết hôn, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, bước đầu cuộc sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn không dần xếp được, tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng thuận tình ly hôn là có cơ sở vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị Đ T T N ly hôn anh N T T.

[2] . Về con chung: chị Đ T T N và anh N T T có 02 con chung: cháu N H D sinh ngày 23/4/2010 và cháu N H T sinh ngày 14/01/2014.

Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng 01 con, anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con.

Về nguyện vọng của 02 con, nếu bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được ở với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của anh T và chị N đều chính đáng, nhưng điều kiện sức khỏe và thu nhập của anh T và chị N đều khó khăn, không đảm bảo quyền lợi cho các con vì chị N sau khi bị tai nạn giao thông, không lao động được, không có thu nhập nên không có khả năng để cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T. Đối với anh T đang hưởng trợ cấp xã hội nên điều kiện nuôi cả 02 con không đảm bảo quyền lợi vì vậy để phù hợp với điều kiện và nguyện vọng của các bên cần giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp, có căn cứ và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy cần áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu N H D cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu N H T cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành.

[3] . Về tài sản chung: chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: không có.

[4] . Về án phí: chị Đ T T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: xử chị Đ T T N ly hôn anh N T T.

2. Về con chung: áp dụng các Điều: 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu N H D sinh ngày 23/4/2010 cho anh N T T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu N H T sinh ngày 14/01/2014 cho chị Đ T T N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

4. Về án phí: chị Đ T T N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị Đ T T N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số: 0004472 ngày 28/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa nay được khấu trừ.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố các bên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/11/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- UBND xã H H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:**

Nguyễn Minh Toàn